| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH PHÚ THỌ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 87/2023/DS - PT
Ngày 27 tháng 12 năm 2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Tiến Dũng;
*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Viết Anh; Ông Đinh Việt Giang
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Hồng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 78/2023/TLPT - DS ngày 09 tháng 11 năm 2023 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".* Do bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2023/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện L T, tỉnh Phú Thọ do có kháng cáo của đương sự.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2023/QĐPT- DS ngày 04 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Công ty TNHH xây dựng và thương mại K Đ
Địa chỉ: Khu X, xã T X, huyện L T, tỉnh Phú Thọ
Đại diện theo pháp luật: Ông Khổng Văn P - Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc (Ông P có mặt).
Địa chỉ: Khu X, xã T X, huyện L T, tỉnh Phú Thọ.
*Bị đơn*: Ông Trần Đăng K, sinh năm 1969 (Có mặt).
Địa chỉ: Khu Y, xã B N, huyện L T, tỉnh Phú Thọ.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là Công ty TNHH xây dựng và thương mại K Đ và người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Khổng Văn P trình bày:*

Ngày 28/02/2014, ông Trần Đăng K vay Công ty TNHH xây dựng và thương mại K Đ 38.000.000 đồng (Ba mươi tám triệu đồng chẵn), Lãi suất hai bên thỏa thuận là theo lãi suất tối đa quy định tại Thông tư số 13/1999/TT-BTM ngày 19/5/1999 của Bộ Thương mại về hướng dẫn kinh doanh dịch vụ cầm đồ, tiền lãi ông K trả vào ngày 28 hàng tháng. Thời hạn vay là kể từ ngày 28/02/2014 đến hết năm 2014. Khi ông K nhận tiền đã ký hợp đồng vay tiền để Công ty giữ. Đến hạn trả tiền nhưng ông K không trả nên Công ty đã nhiều lần yêu cầu ông K trả tiền,

ông K cho rằng điều kiện kinh tế gia đình khó khăn và xin vay thêm một thời gian nữa. Ngày 20/01/2023, ông K đã viết giấy khất nợ và xin trả tiền làm hai lần: Lần 1 vào ngày 20/3/2023 và lần 2 vào ngày 20/6/2023, số tiền trả của từng lần là do khả năng kinh tế của ông K nhưng đến ngày 20/6/2023 là phải trả toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi, mặc dù ông K hẹn đến ngày 20/6/2023 là trả toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi nhưng vẫn không trả.

Từ ngày ông K vay tiền đến nay, ông K chưa trả cho Công ty TNHH xây dựng và thương mại K Đ khoản tiền nào. Ông K đã vi phạm thời hạn trả tiền nên Công ty TNHH xây dựng và thương mại K Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông K phải trả cho Công ty TNHH xây dựng và thương mại K Đ 38.000.000 đồng tiền gốc và 55.000.000 đồng tiền lãi. Công ty tính lãi suất từ ngày 28/02/2014 đến ngày 31/12/2016 là 13,5%/năm, từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/9/2023 là 20%/năm, do điều kiện kinh tế khó khăn của ông K nên Công ty tính tiền lãi là 55.000.000 đồng. Tổng số tiền gốc và tiền lãi ông Trần Đăng K phải trả Công ty TNHH xây dựng và thương mại K Đ là 93.000.000 đồng (Chín mươi ba triệu đồng). Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án đến khi trả tiền xong, ông K tiếp tục phải trả tiền lãi cho Công ty TNHH xây dựng và thương mại K Đ.

*Bị đơn là ông Trần Đăng K trình bày:* Chị H là em của bà H. Chị H là người cùng khu với ông nên ông biết bà H là vợ ông P.

Năm 2012 ông có vay Ngân hàng 150.000.000 đồng. Khoảng tháng 8/2013 ông phải trả Ngân hàng 50.000.000 đồng, khi đó ông có 12.000.000 đồng nên ông đã vay bà H (là vợ ông P) 38.000.000 đồng cho đủ 50.000.000 để trả tiền cho Ngân hàng, khi vay 38.000.000 đồng thì ông viết giấy nhận tiền để bà H giữ, khi vay bà H tính lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, thời hạn vay là 05 ngày. Hết thời hạn vay thì ông đã trả bà H đủ số tiền gốc 38.000.000 đồng và tiền lãi. Sau đó thỉnh thoảng ông vay bà H một khoản tiền để giải quyết việc của ông, trong đó một lần là 5.500.000 đồng và một lần là 4.700.000 đồng với lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Khoản vay này không liên quan đến vợ ông. Một thời gian sau ông và bà H thống nhất thỏa thuận là ông nợ bà H tiền gốc và tiền lãi là 18.000.000 đồng nên ông đã viết giấy nhận tiền để bà H giữ. Sau khi vay, ông đã nhiều lần trả nợ bằng tiền mặt, gạo ăn và thịt lợn mổ vào dịp tết nên hiện nay còn nợ bà H khoảng 5.000.000 đồng. Khi trả nợ bằng tiền mặt, gạo ăn và thịt lợn thì hai bên không viết giấy tờ gì. Việc vay nợ giữa ông và bà H không liên quan gì đến việc vay tiền giữa ông và Công ty TNHH xây dựng và thương mại K Đ.

Ông xác nhận toàn bộ chữ viết và chữ ký trong Hợp đồng cho vay tiền ngày 28/02/2014 giữa Công ty TNHH xây dựng và thương mại K Đ và ông là do ông viết và ký, nhưng ông không được nhận số tiền 38.000.000 đồng (Ba mươi tám triệu đồng) của Công ty, lý do ông viết và ký hợp đồng vay tiền ngày 28/02/2014 là do ông P vi phạm pháp luật và phải chấp hành án một thời gian nên ông viết và ký vào Hợp đồng cho vay tiền để ông P hợp thức hóa giấy tờ để giải quyết với Công an và Ngân hàng. Sau khi ông ký các giấy tờ, ông P sử dụng như thế nào thì ông không nắm được. Khi ông ký vào hợp đồng cho vay tiền ngày 28/02/2014 thì không ai biết. Ông không có chứng cứ gì để chứng minh là ông không vay Công ty 38.000.000 đồng.

Ngày 20/01/2023 ông P đến nhà ông đã đập bàn ghế của nhà ông và đe dọa, đã yêu cầu ông viết giấy khất nợ. Do lo sợ nên ông đã viết giấy khất nợ với nội dung là ông vay Công ty TNHH xây dựng và thương mại K Đ 38.000.000 đồng theo hợp đồng cho vay tiền ngày 28/02/2014, thời hạn trả tiền là ngày 20/3/2023 và ngày 20/6/2023, khi viết giấy khất nợ là do ông P đọc cho ông viết theo ý của ông P.

Nay Công ty TNHH xây dựng và thương mại K Đ khởi kiện yêu cầu ông trả 38.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh thì ông không nhất trí trả, vì ông không biết Công ty TNHH xây dựng và thương mại K Đ nên không vay tiền. Hiện ông chỉ còn nợ tiền của bà H là vợ ông P. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2023/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện L T, tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 471 và khoản 1 Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Điều 466; khoản 1 Điều 468; Điều 688 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xác nhận ông Trần Đăng K vay Công ty TNHH xây dựng và thương mại K Đ 38.000.000 đồng theo hợp đồng vay tiền ngày 28/02/2014.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH xây dựng và thương mại K Đ về yêu cầu ông Trần Đăng K trả tiền.

Buộc ông Trần Đăng K phải trả cho Công ty TNHH xây dựng và thương mại K Đ 38.000.000 đồng tiền gốc và 55.000.000 đồng tiền lãi. Tổng số tiền gốc và tiền lãi ông Trần Đăng K phải trả cho Công ty TNHH xây dựng và thương mại K Đ là 93.000.000 đồng (Chín mươi ba triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí và các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

Kháng cáo: Ngày 13/10/2023, ông Trần Đăng K có đơn kháng cáo không nhất trí với bản án sơ thẩm vì ông không vay tiền của Công ty K Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên toà khi giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, kháng cáo đúng hạn luật định. Hội đồng xét xử đã xét xử đúng nguyên tắc, các bên đương sự đều thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Đăng K.

Xử: Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số : 31/2023/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện L T, tỉnh Phú Thọ.

Ông Trần Đăng K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân tỉnh Phú Thọ; Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

**[1].** Về tố tụng: Kháng cáo của ông Trần Đăng K trong thời hạn Luật định nên được Tòa án cấp phúc thẩm xem xét.

**[2].** Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Công ty TNHH xây dựng và thương mại K Đ khởi kiện yêu cầu ông Trần Đăng K trả số tiền đã vay nên quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng vay tài sản. Ông Trần Đăng K là bị đơn hiện đang cư trú tại xã B N, huyện L T, tỉnh Phú Thọ nên Tòa án nhân dân huyện L T, tỉnh Phú Thọ thụ lý và giải quyết vụ án là phù hợp.

**[3].** Xét yêu cầu kháng cáo ông Trần Đăng K nhận thấy:

Công ty TNHH xây dựng và thương mại K Đ khởi kiện yêu cầu ông Trần Đăng K trả số tiền gốc 38.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Xét thấy ông Trần Đăng K thừa nhận chữ viết trong giấy khất nợ ngày 20/01/2023 là chữ viết của ông K, nội dung giấy khất nợ thể hiện là ông K vay Công ty TNHH xây dựng và thương mại K Đ số tiền 38.000.000 đồng theo hợp đồng cho vay tiền ngày 28/02/2014, do điều kiện kinh tế gia đình nên ông K xin trả 38.000.000 đồng vào ngày 20/3/2023 và ngày 20/6/2023. Công ty TNHH xây dựng và thương mại K Đ thành lập từ năm 2010, ông Khổng Văn P là Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc của Công ty, còn bà Chử Thị H là nhân viên của Công ty. Ông Trần Đăng K thừa nhận là năm 2014 bà H cho ông vay số tiền 38.000.000 đồng để ông trả tiền Ngân hàng, khi nhận tiền ông đã viết giấy nhận tiền để bà H giữ, ông xác định hiện nay vẫn còn nợ bà H tiền. Tòa án tiến hành lấy lời khai của bà H, bà H đã trình bày là năm 2014 ông K vay Công ty TNHH xây dựng và thương mại K Đ số tiền 38.000.000 đồng, bà là người trực tiếp giao tiền cho ông K, khi nhận tiền ông K đã viết và ký vào hợp đồng vay tiền để Công ty giữ. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai tài liệu chứng cứ ngày 30/8/2023, Tòa án đã yêu cầu ông K cung cấp chứng cứ chứng minh là ông K không vay tiền của Công ty TNHH xây dựng và thương mại K Đ như hợp đồng vay tiền ngày 28/02/2014 và giấy khất nợ ngày 20/01/2023 nhưng ông K không cung cấp được chứng cứ gì. Theo quy định tại Điều 6 và Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, ông K phải có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu phản đối của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH xây dựng và thương mại K Đ nhưng không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh, còn Công ty TNHH xây dựng và thương mại K Đ đã cung cấp Hợp đồng cho vay tiền ngày 28/02/2014 và Giấy khất nợ ngày 20/01/2023 có chữ ký và chữ viết của ông K để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện. Lời trình bày của ông K về viết giấy vay tiền là phù hợp với chứng cứ của ông P là người đại diện Công ty giao nộp. Vì vậy, có đủ cơ sở khẳng định ngày 28/02/2014 ông K vay Công ty TNHH xây dựng và thương mại K Đ số tiền 38.000.000 đồng (Ba mươi tám triệu đồng). Trong giấy khất nợ ngày

20/01/2023, thời hạn trả tiền là ngày 20/6/2023 nên ông K đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền.

Tại cấp phúc thẩm ông K cung cấp một bản ghi chép số tiền trả nợ cho ông bà H Phú từ tháng 5/2013 đến tháng 12/2014 bằng gạo, thịt lợn và tiền nhưng chỉ có chữ ký của ông K mà không có chữ ký của ông P bà H nên cấp phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận. Như vậy,Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông K phải trả tiền cho Công ty TNHH xây dựng và thương mại K Đ là có căn cứ.

Về lãi suất: Tại Điều III của Hợp đồng cho vay tiền ngày 28/02/2014, ông K và Công ty TNHH xây dựng và thương mại K Đ có thỏa thuận lãi suất. Căn cứ vào Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì lãi suất từ ngày 28/02/2014 đến ngày 31/12/2016 là 13,5%/năm ( 34 tháng x 1,125%/tháng x 38.000.000 đồng = 14.535.000 đồng), từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/9/2023 là 20%/năm (81 tháng x 1,66%/tháng x 38.000.000 đồng = 51.094.800 đồng). Như vậy tổng số tiền lãi là 67.244.800 đồng nhưng Công ty TNHH xây dựng và thương mại K Đ chỉ tính tiền lãi là 55.000.000 đồng là phù hợp nên được chấp nhận.

Từ các phân tích trên cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Trần Đăng K.

**[4]** Về án phí dân sự phúc thẩm. Ông Trần Đăng K kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Đăng K.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2023/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện L T, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào các Điều 471 và khoản 1 Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Điều 466; khoản 1 Điều 468; Điều 688 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH xây dựng và thương mại K Đ.

2. Buộc ông Trần Đăng K phải trả cho Công ty TNHH xây dựng và thương mại K Đ 38.000.000 đồng tiền gốc và 55.000.000 đồng tiền lãi. Tổng số tiền gốc và tiền lãi ông Trần Đăng K phải trả cho Công ty TNHH xây dựng và thương mại K Đ là 93.000.000 đồng (Chín mươi ba triệu đồng).

*Kể từ ngày 01/10/2023 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Trần Đăng K phải chịu 4.650.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty TNHH xây dựng và thương mại K Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 950.000 đồng (Chín trăm năm mươi nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0002526 ngày 02/8/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L T, tỉnh Phú Thọ.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Đăng K phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận ông Trần Đăng K đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa số 0001502 ngày 16/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L T, tỉnh Phú Thọ.

*Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THADS huyện L T;
- TAND huyện L T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS,VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Tiến Dũng**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Quang Vũ** **Điêu Thị Bích Lượt** **Hoàng Tiến Dũng**